TAND HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2018/HNGĐ – ST
Ngày: 25/5/2018
V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Đình Chung
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Thị Thuận
Ông Nguyễn Văn Thạch

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Duy – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:* Ông Huỳnh Tấn Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2017/TLST –HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2017 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Thùy D, sinh năm 1982; địa chỉ nơi cư trú: Đội 4, thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

-*Bị đơn*: Anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1976; địa chỉ nơi cư trú: Đội 3, thôn P, xã Bình P, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Các bên đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/9/2017, bản tự khai ngày 30/10/2017 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Lê Thị Thùy D trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Quang H vào ngày 27/11/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình P, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã. Anh H không quam tâm chăm lo cho vợ con và có vi xúc phạm, hành hung đánh đập chị. Từ khi chị sinh con được 01 tuổi, do anh H không quan tâm đến vợ con nên chị về nhà mẹ đẻ sinh sống cho đến nay. Trong quá trình chung sống tại nhà cha mẹ chị, anh H cũng không quan tâm đến vợ con. Từ đó vợ chồng ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải

quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Quang H.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Quang B, sinh ngày 17/10/2015, hiện đang ở với chị. Khi ly hôn, chị xin nhận nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Hiện nay chị làm tại công ty TNHH MTV Hòa Khánh Nam, thu nhập bình quân của chị một tháng là 9.000.000đồng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 17/11/2017 và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Quang H trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Lê Thị Thùy D về việc kết hôn, con chung. Còn về mâu thuẫn vợ chồng là do trong quá trình chung sống có những điều vợ chồng chưa hòa hợp nên xảy ra cãi vã. Vợ chồng cãi nhau là để hiểu nhau chứ không gây ra mâu thuẫn vợ chồng. Trong quá trình chung sống, chị D nói chuyện ngang ngược, lời lẽ thiếu tính nhân văn đối với chồng, xúc phạm anh nhiều lần. Vì hạnh phúc gia đình, tương lai của con nên anh đã nhịn và xem như không có chuyện gì. Anh luôn nhắc nhở chị D về lời nói và cách cư xử, cố gắng và chờ thời cơ để làm cho chị D bớt đi những tính xấu xa đó để tạo ra những điều tốt đẹp cho con. Anh chưa bao giờ xúc phạm đến chị D và việc chị D cho rằng anh đánh đập chị là không đúng.

Từ khi cưới nhau, vợ chồng anh chung sống tại nhà ba anh tại xã Bình P, huyện B. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, không xảy ra vấn đề gì. Từ tháng 5/2016, chị D đưa con về nhà mẹ chị D sinh sống cho đến nay.Vì công việc, anh phải đi làm ở Quảng Ngãi và huyện B nên anh không về trên ngoại thường xuyên được, chưa bao giờ vợ chồng anh có quyết định sống ly thân. Nay chị D xin ly hôn anh, anh không đồng ý.

Về con chung, nếu chị D cương quyết xin ly hôn, anh xin nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu B, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Nếu Tòa án giao con cho chị D nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng. Hiện nay anh đang làm tại Chi nhánh Công ty TNHH Trường Thành có trụ sở tại thành phố Quảng Ngãi, thu nhập một tháng 8.000.000đồng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng anh có nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện B số tiền 60.000.000đồng. Khi ly hôn, anh yêu cầu chị D có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng số tiền 60.000.000đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quang B cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ghi nhận anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng, còn mức cấp dưỡng cụ thể bao nhiêu đề nghị Hội đồng xét xử quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 27/11/2014, chị Lê Thị Thùy D và anh Nguyễn Quang H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình P, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi nên quan hệ hôn nhân của vợ chồng anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị D và anh H phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do quan điểm sống và tính tình của vợ chồng không hợp nhau và không nhường nhịn nhau nên thường xuyên cãi vã. Vợ chồng anh, chị đã không sống chung với nhau từ tháng 5/2016 cho đến nay. Sự việc mâu thuẫn của vợ chồng không được hai bên gia đình quan tâm, hòa giải. Tòa án đã hòa giải nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ về chung sống với nhau cùng nuôi day con cái nhưng không thành. Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn giữa chị D và anh H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị D về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Quang H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[1.2] *Về con chung:* Chị Lê Thị Thùy D và anh Nguyễn Quang H có 01 người con chung là Nguyễn Quang B, sinh ngày 17/10/2015, hiện đang sống với chị D. Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên không thỏa thuận được việc người trực tiếp nuôi con mà cả hai đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy do cháu Nguyễn Quang B chưa đủ 36 tháng tuổi và từ trước đến nay cháu B đều do chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do vậy để đảm bảo quyền lợi, cuộc sống ổn định cho cháu B nên giao cháu Nguyễn Quang B cho chị Lê Thị Thùy D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[1.3] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng:* Chị Lê Thị Thùy D yêu cầu anh Nguyễn Quang H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, anh H chỉ đồng ý mức cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đồng nếu Tòa án giao con cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy mức cấp dưỡng mà chị D yêu cầu là cao so với quy định của pháp luật và khả năng thực tế của anh Nguyễn Quang H, vì anh H xác định hiện nay anh đang làm công nhân tại Chi nhánh Công ty TNHH Trường Thành, mức thu nhập hơn 8.000.000đồng/tháng, ngoài khoản tiền cấp dưỡng nuôi con anh H còn phải chi phí cho nhu cầu bản thân và nuôi dưỡng cha già. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị D, buộc anh Nguyễn Quang H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Quang B mỗi tháng 1.500.000đồng cũng đảm bảo cho chị D có điều kiện nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, thời gian thực hiện việc cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án (ngày 25/5/2018).

[1.4] *Về tài sản chung:* Chị Lê Thị Thùy D và anh Nguyễn Quang H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[1.5] *Về nợ chung:* Chị Lê Thị Thùy D xác định vợ chồng không có nợ chung, còn anh H xác định vợ chồng có nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh huyện B số tiền 60.000.000đồng.Tại thông báo số 12/TB – NHNo, ngày 26/12/2017 và thông báo số 12/TB – NHNo, ngày 05/3/2018, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện B xác định anh Nguyễn Quang H có vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Bình S số tiền 60.000.000đồng theo hợp đồng tín dụng số 201605259, ngày 24/8/2016. Tuy nhiên, vì khoản vay này chưa đến hạn thanh toán cũng như anh H chưa vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện B không khởi kiện yêu cầu độc lập trong vụ án ly hôn giữa chị D và anh H nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[1.6] *Về án phí:* Chị Lê Thị Thùy D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là: 300.000đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nhưng chị được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Anh Nguyễn Quang H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tại điểm c khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[1.7] *Xét ý kiến của Kiểm sát viên:* Về đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, giao con cho chị Dương nuôi dưỡng là phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 235, Điều 266, Điều 267 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5; điểm c khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thùy D được ly hôn với anh Nguyễn Quang H.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là Nguyễn Quang B, sinh ngày 17/10/2015 cho chị Lê Thị Thùy D tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Quang H có nghĩa vụ cấp dưỡng

nuôi cháu Nguyễn Quang B mỗi tháng 1.500.000đồng *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)*. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 25/5/2018 cho đến khi cháu Bảo đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Quang H có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Thùy D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là: 300.000đồng (*ba trăm ngàn đồng*), nhưng được khấu trừ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2014/0002369 ngày 30/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh Nguyễn Quang H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000đồng (*ba trăm ngàn đồng*).

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Lê Thị Thùy D và anh Nguyễn Quang H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/5/2018).

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Ngãi;*
- *VKSND huyện B;*
- *Chi cục THADS huyện B;*
- *UBND xã Bình P;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Đình Chung